

Số: 1243/QĐ-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 18 tháng 11 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG**

Căn cứ Nghị quyết số 340/NQ-ĐHNT ngày 24/3/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 1008/QĐ-ĐHNT ngày 07/9/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Quy định phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học và cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 1222/QĐ-ĐHNT ngày 02/10/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc kiện toàn Hội đồng và Ban Thư ký phát triển chương trình đào tạo, các Tiểu ban liên ngành và Ban chủ nhiệm chương trình đào tạo trình độ đại học;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học và Trường phòng Đào tạo Đại học.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ đại học ngành **Kinh doanh thương mại**, mã số: 7340121.

**Điều 2.** Giao Khoa Kinh tế quản lý chương trình đào tạo này.

**Điều 3.** Chương trình đào tạo này áp dụng từ Khóa 63.

**Điều 4.** Ban chủ nhiệm chương trình đào tạo và các ông/bà Trưởng đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, ĐTĐH.





# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

## NGÀNH: KINH DOANH THƯƠNG MẠI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1245/QĐ-ĐHNT ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

### I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

a) Đơn vị được giao quản lý	Khoa Kinh tế
b) Tên chương trình	Kinh doanh thương mại
c) Ngành đào tạo	Kinh doanh thương mại
d) Mã số ngành đào tạo	7340121
e) Trình độ đào tạo	Đại học
f) Hình thức đào tạo	Chính quy
g) Thời gian đào tạo	4 năm
h) Ngôn ngữ đào tạo	Tiếng Việt
i) Tên văn bằng tốt nghiệp	Cử nhân Kinh doanh thương mại
j) Thời gian cập nhật, điều chỉnh CTĐT	11/2021

### II. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 2.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

1. PEO1: Có tri thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn; bản lĩnh chính trị, ý thức trách nhiệm, đạo đức, thẩm mỹ, sức khỏe; các kỹ năng ngoại ngữ, công nghệ thông tin và các kỹ năng mềm, từ đó vận dụng vào cuộc sống, học tập và công việc sau này;
2. PEO2: Có kiến thức nền tảng về kinh tế và kinh doanh để có thể am hiểu và phân tích được bối cảnh kinh doanh nói chung và lĩnh vực thương mại nói riêng;
3. PEO3: Có kiến thức, kỹ năng chuyên sâu trong lĩnh vực thương mại quốc tế và kinh doanh bán lẻ;
4. PEO4: Có khả năng tư duy phản biện, sáng tạo và thái độ làm việc trách nhiệm, chuyên nghiệp, có đạo đức nghề nghiệp cho sự phát triển bền vững của xã hội;
5. PEO5: Có khả năng tự học, ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ để thích ứng với sự thay đổi nhanh của môi trường kinh tế - xã hội, thể hiện tinh thần khởi nghiệp.

#### 2.2. Ma trận tương thích giữa mục tiêu của chương trình đào tạo (PEOs) với mục tiêu giáo dục của Trường (EOs)

Mục tiêu giáo dục của Trường (EOs)	Mục tiêu của CTĐT (PEOs)				
	1	2	3	4	5
1. Bản lĩnh chính trị, ý thức trách nhiệm, đạo đức, thẩm mỹ và sức khỏe	x			x	
2. Kiến thức nền tảng và chuyên sâu về nghề nghiệp	x	x	x		

3. Kỹ năng mềm và kỹ năng chuyên môn phù hợp với nghề nghiệp			X	X	
4. Khả năng nghiên cứu và ứng dụng khoa học - công nghệ			X		X
5. Tinh thần lập nghiệp, khả năng tự học, sáng tạo và thích ứng với môi trường hoạt động nghề nghiệp	X	X		X	X

### III. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 3.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sau khi học xong chương trình đào tạo ngành **Kinh doanh thương mại**, sinh viên có khả năng:

1. PLO1: Có lập trường chính trị tư tưởng, biết vận dụng lý luận chính trị, quân sự, pháp luật và các phương pháp rèn luyện sức khỏe để thực hiện nghĩa vụ công dân và phát triển cá nhân;
2. PLO2: Áp dụng kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống và tiếp cận các vấn đề thuộc lĩnh vực, ngành đào tạo;
3. PLO3: Vận dụng kỹ năng tư duy sáng tạo và các kỹ năng mềm cần thiết khác để làm việc và tự học suốt đời; đạt năng lực ngoại ngữ tối thiểu bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; đạt chuẩn ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản trong giao tiếp và tiếp cận giải quyết các vấn đề trong cuộc sống và công việc chuyên môn;
4. PLO4: Vận dụng các kiến thức nền tảng về kinh tế học và khoa học quản trị trong lĩnh vực kinh doanh thương mại;
5. PLO5: Đánh giá thực trạng về thương mại điện tử, logistics và quản trị chuỗi cung ứng đang triển khai trong doanh nghiệp sản xuất, thương mại và dịch vụ;
6. PLO6: Phân tích các biến động thị trường trong việc lập kế hoạch và triển khai các chính sách kinh doanh trong hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu cũng như kinh doanh bán lẻ;
7. PLO7: Thực hiện các hoạt động kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu bao gồm nghiên cứu thị trường quốc tế, giao tiếp và đàm phán, tổ chức thực hiện hợp đồng xuất khẩu, nhập khẩu;
8. PLO8: Tổ chức các hoạt động trong kinh doanh bán lẻ bao gồm thiết kế và vận hành các mô hình bán lẻ hiện đại;
9. PLO9: Khởi nghiệp, làm việc chuyên nghiệp, có trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp;
10. PLO10: Sử dụng được các phần mềm hỗ trợ phân tích dữ liệu phục vụ nghiên cứu khoa học và quản trị doanh nghiệp.

#### 3.2. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo

PEOs	Chuẩn đầu ra - PLOs									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	X	X	X							X
2		X		X		X				
3			X		X	X	X	X	X	X
4	X					X	X	X	X	
5			X				X			X

#### IV. VỊ TRÍ VIỆC LÀM

Sau khi tốt nghiệp, các cử nhân **Kinh doanh thương mại** có thể làm việc tại:

1. Sở Công Thương, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Trung tâm xúc tiến thương mại, các Hiệp hội;
2. Công ty Đa quốc gia, Công ty Xuất Nhập khẩu, Công ty Thương mại, Công ty Thương mại và Dịch vụ;
3. Công ty Cung ứng dịch vụ logistics;
4. Ngân hàng thương mại (bộ phận quan hệ khách hàng, thanh toán quốc tế);
5. Chuỗi cửa hàng tiện ích, siêu thị;
6. Đơn vị Đào tạo và nghiên cứu trong lĩnh vực Kinh doanh thương mại.

#### V. QUY ĐỊNH TUYỂN SINH, ĐÀO TẠO VÀ TỐT NGHIỆP

<b>Thông tin tuyển sinh</b>	- Hình thức tuyển sinh: xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT và các hình thức khác - Phạm vi tuyển sinh: trong cả nước - Đối tượng tuyển sinh: thí sinh tốt nghiệp THPT
<b>Điều kiện nhập học</b>	Thí sinh đủ các điều kiện xét tuyển vào trường theo quy định hiện hành.
<b>Quy định đào tạo</b>	Chi tiết tại website: <a href="http://www.ntu.edu.vn">www.ntu.edu.vn</a>
<b>Điều kiện tốt nghiệp</b>	Chi tiết tại website: <a href="http://www.ntu.edu.vn">www.ntu.edu.vn</a>

#### VI. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Nội dung	Tổng		Kiến thức bắt buộc		Kiến thức tự chọn	
		Tín chỉ	Tỷ lệ %	Tín chỉ	Tỷ lệ %	Tín chỉ	Tỷ lệ %
<b>I</b>	<b>Giáo dục tổng quát</b>	<b>48</b>	<b>36,4</b>	<b>44</b>	<b>33,3</b>	<b>4</b>	<b>3,1</b>
1	Xã hội, Nhân văn và Nghệ thuật	20	15,2	18	13,6	2	1,5
2	Toán, Tin học, Tự nhiên, Công nghệ và Môi trường	9	6,8	9	6,8	0	0,0
3	Ngoại ngữ	8	6,1	8	6,1	0	0,0
4	Thể chất và Quốc phòng - An ninh	11	8,3	9	6,8	2	1,5
<b>II</b>	<b>Giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>84</b>	<b>63,6</b>	<b>73</b>	<b>55,3</b>	<b>11</b>	<b>8,3</b>
1	Cơ sở ngành	30	22,7	27	20,4	3	2,2
2	Ngành	44	33,3	36	27,3	8	6,1
3	Tốt nghiệp	10	7,6	10	7,6	0	0,0
	<b>Tổng cộng</b>	<b>132</b>	<b>100</b>	<b>117</b>	<b>88,6</b>	<b>15</b>	<b>11,4</b>

## VII. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

## 7.1. Khung chương trình đào tạo

TT.	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Phân bố thời lượng		HP tiên quyết	HP song hành	Phân bố từng Học kỳ							
				LT	TH			1	2	3	4	5	6	7	8
<b>TỔNG SỐ TÍN CHỈ</b>			132	<b>Bắt buộc</b>			9	18	17	16	14	15	10	10	
				<b>Tự chọn</b>			2*	-	-	2*	3*	2*	6*	-	
<b>I</b>	<b>Giáo dục tổng quát</b>		48												
I.1	Xã hội, Nhân văn và Nghệ thuật		20												
<b>Các HP bắt buộc</b>			18					8	2	4	4				
1	POL307	Triết học Mác - Lênin	3	45				3							
2	POL309	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30		1			2						
3	POL308	Chủ nghĩa XH khoa học	2	30		1				2					
4	POL333	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30		2,3					2				
5	POL310	Lịch sử ĐCSVN	2	30		2,3					2				
6	SSH313	Pháp luật đại cương	2	30						2					
7	SSH378	Tư duy phản biện	3	45					3						
8	SSH379	Ngôn ngữ học thuật	2	30					2						
<b>Các HP tự chọn</b>			2					2*							
9	SSH381	Thường thức mỹ thuật	2	30				2*							
10	SSH316	Tâm lý học đại cương	2	30				2*							
I.2	Toán, Tin học, Tự nhiên, Công nghệ và Môi trường		9												
<b>Các HP bắt buộc</b>			9					3	3	3					
11	MAT327	Toán 1	3	45				3							
12	MAT322	Xác suất- thống kê	3	45		11				3					
13	SOT382	Tin học đại cương B (LT+TH)	3	15	30				3						
I.3	Ngoại ngữ		8					4	4						
14		Ngoại ngữ 1	4	60				4							
15		Ngoại ngữ 2	4	60					4						
I.4	Thể chất và Quốc phòng - An ninh		11												
<b>Các HP bắt buộc</b>			9					1							
16	QPAD011	Đường lối QP&AN của ĐCSVN	3	45											
17	QPAD02	Công tác quốc phòng và an ninh	2	30						8 <sup>1</sup>					
18	QPAD033	Quân sự chung	1	15											
19	QPAD044	KT chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	10	20										

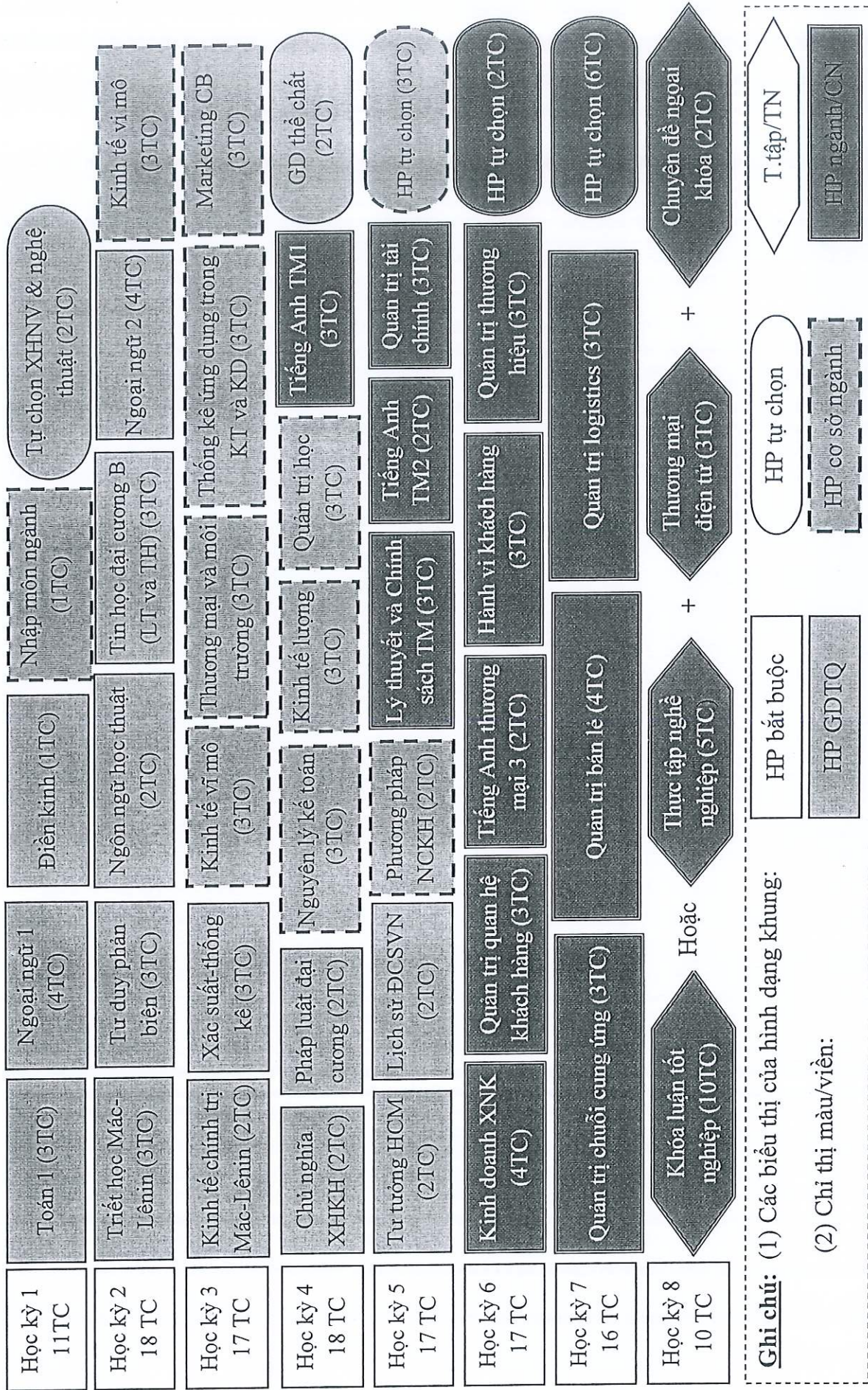
<sup>1</sup> Nhóm học phần QP-AN được bố trí học tập trung thời gian ngắn từ học kỳ 1 - 4 (không tính vào số tín chỉ từng học kỳ).

TT.	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Phân bố thời lượng		HP tiên quyết	HP song hành	Phân bố từng Học kỳ									
				LT	TH			1	2	3	4	5	6	7	8		
20	85065	Điện kinh	1	5	10			1									
<b>Các HP tự chọn</b>			<b>2</b>									2*					
21	85097	Bóng đá	1	5	10							1*					
22	85098	Bóng chuyền	1	5	10							1*					
23	85105	Cầu lông	1	5	10							1*					
24	85108	Taekwondo	1	5	10							1*					
25	85066	Bơi lội	1	5	10							1*					
26	851111	Aerobic	1	5	10							1*					
<b>II</b>	<b>Giáo dục chuyên nghiệp</b>		<b>84</b>														
<b>II.1</b>	<b>Cơ sở ngành</b>		<b>30</b>														
<b>Các HP bắt buộc</b>			<b>27</b>					<b>1</b>	<b>3</b>	<b>12</b>	<b>9</b>	<b>2</b>					
27		Nhập môn Ngành	1	15				1									
28		Kinh tế vi mô	3	45					3								
29		Kinh tế vĩ mô	3	45						3							
30		Thương mại và môi trường	3	45						3							
31		Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30								2					
32		Thống kê ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh	3	45						3							
33		Nguyên lý kế toán	3	45							3						
34		Kinh tế lượng	3	45							3						
35		Marketing căn bản	3	45						3							
36		Quản trị học	3	45							3						
<b>Các HP tự chọn</b>			<b>3</b>										3*				
37		Dự báo trong kinh tế và kinh doanh	3	45									3*				
38		Luật kinh doanh	3	45									3*				
39		Đàm phán trong kinh doanh	3	45									3*				
<b>II.2</b>	<b>Ngành</b>		<b>54</b>														
<b>Các HP bắt buộc</b>			<b>36</b>								3	8	15	10			
40		Lý thuyết và chính sách thương mại	3	45			28,29					3					

TT.	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Phân bố thời lượng		HP tiên quyết	HP song hành	Phân bố từng Học kỳ							
				LT	TH			1	2	3	4	5	6	7	8
41		Kinh doanh xuất nhập khẩu	4	60		40,45,46							4		
42		Quản trị quan hệ khách hàng	3	30	15	35,36	48						3		
43		Quản trị chuỗi cung ứng	3	45		28,29,36								3	
44		Quản trị bán lẻ	4	45	15	35,36								4	
45		Tiếng Anh thương mại 1	3	45		14,15					3				
46		Tiếng Anh thương mại 2	2	30		45						2			
47		Tiếng Anh thương mại 3	2	30		46							2		
48		Hành vi khách hàng	3	45		35							3		
49		Quản trị tài chính	3	45							3				
50		Quản trị logistics	3	45		36								3	
51		Quản trị thương hiệu	3	45		35,36							3		
<b>Các HP tự chọn</b>			<b>8</b>										<b>2*</b>	<b>6*</b>	
52		Kinh doanh quốc tế	2	30		28,35								2*	
53		Quản trị marketing	2	30										2*	
54		Luật thương mại quốc tế	2	30		40							2*		
55		Quản trị chiến lược	3	45										3*	
56		Quản trị dịch vụ	2	30		36								2*	
57		Logistics quốc tế	2	30									2*		
58		Khởi sự kinh doanh	3	30	15									3*	
59		Quản trị tồn kho	2	30		36								2*	
<b>II.3</b>	<b>Tốt nghiệp</b>		<b>10</b>												<b>10</b>
60		Khóa luận tốt nghiệp	10			Tất cả									10
<i>Đối với SV không làm Khóa luận tốt nghiệp</i>															
61		Thực tập nghề nghiệp	5			40,41,42,43,44									5
62		Thương mại điện tử	3	23	22	13,35									3
63		Chuyên đề ngoại khóa	2			40,41,42,43,44									2

Ghi chú: Các tín chỉ có dấu "\*" là của HP tự chọn.

7.2. Lưu đồ đào tạo



**Ghi chú:** (1) Các biểu thị của hình dạng khung:

(2) Chỉ thị màu/viên:



## 7.3. Ma trận thể hiện sự đóng góp của học phần để đạt được chuẩn đầu ra

TT	Tên học phần	Số TC	Mức tương thích với chuẩn đầu ra (PLOs)										Tổng	
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
<b>I</b>	<b>Giáo dục tổng quát</b>													
<b>I.1</b>	<b>Xã hội, Nhân văn và Nghệ thuật</b>													
1	Triết học Mác-Lênin	3	M	I										1I+1M
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	M	I										1I+1M
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	M	I										1I+1M
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	M	I										1I+1M
5	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	M	I										1I+1M
6	Pháp luật đại cương	2	M	I										1I+1M
7	Tư duy phản biện	3		R	M									1R+1M
8	Ngôn ngữ học thuật	2		R	M									1R+1M
9	Thường thức mỹ thuật	2		x										x
10	Tâm lý học đại cương	2		x										x
<b>I.2</b>	<b>Toán, Tin học, Tự nhiên, Công nghệ và Môi trường</b>													
11	Toán 1	3		M										1M
12	Xác suất - Thống kê	3		M										1M
13	Tin học đại cương B (LT+TH)	3			M									1M
<b>I.3</b>	<b>Ngoại ngữ</b>													
14	Ngoại ngữ 1	4		I	M									1I+1M
15	Ngoại ngữ 2	4		I	M									1I+1M
<b>I.4</b>	<b>Thể chất và QP-AN</b>													
16	Đường lối quốc phòng an ninh của ĐCS Việt Nam	3												
17	Công tác quốc phòng và an ninh	2	M											1M
18	Quân sự chung	1												
19	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2												
20	Điện kinh	1												
21	Bóng đá	1												
22	Bóng chuyền	1												
23	Cầu lông	1	M											1M
24	Taekwondo	1												
25	Aerobic	1												
26	Bơi lội	1												
<b>II</b>	<b>Giáo dục chuyên nghiệp</b>													
<b>II.1</b>	<b>Cơ sở ngành</b>													
27	Nhập môn Ngành	1		I		I		I						3I
28	Kinh tế vi mô	3		I		M		M						1I+2M
29	Kinh tế vĩ mô	3		I		M		M						1I+2M

30	Thương mại và môi trường	3		I		R	I	M					2I+1R+1M
31	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2			I	R						M	1I+1R+1M
32	Thống kê ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh	3						R		M		M	1R+2M
33	Nguyên lý kế toán	3				I	R	R		R			1I+3R
34	Kinh tế lượng	3			I	R						M	1I+1R+1M
35	Marketing căn bản	3				I	R	R		M			1I+2R+1M
36	Quản trị học	3		I		M	R		R	R			1I+3R+1M
37	<i>Dự báo trong kinh tế và kinh doanh</i>	3				x	x	x		x			x
38	<i>Luật kinh doanh</i>	3				x		x	x	x			x
39	<i>Đàm phán trong kinh doanh</i>	3				x			x	x			x
<b>II.2 Ngành</b>													
40	Lý thuyết và chính sách thương mại	3				R		R	M	M			2R+2M
41	Kinh doanh xuất nhập khẩu	4				I	R	R	M		M		1I+2R+2M
42	Quản trị quan hệ khách hàng	3				I	R		R	M		M	1I+2R+2M
43	Quản trị chuỗi cung ứng	3					M	R	R	M		R	3R+2M
44	Quản trị bán lẻ	4					R	R		M	M	M	2R+3M
45	Tiếng Anh thương mại 1	3					R		R	R			3R
46	Tiếng Anh thương mại 2	2					R		R	R			3R
47	Tiếng Anh thương mại 3	2					M		M	M			3M
48	Hành vi khách hàng	3					R	M		M	M		1R+3M
49	Quản trị tài chính	3				I	R	R		M		R	1I+3R+1M
50	Quản trị logistics	3					M		R	M			1R+2M
51	Quản trị thương hiệu	3				I		R		M			1I+1R+1M
52	<i>Kinh doanh quốc tế</i>	2				x		x	x				x
53	<i>Quản trị marketing</i>	2				x	x		x	x			x
54	<i>Luật thương mại quốc tế</i>	2				x		x	x				x
55	<i>Quản trị chiến lược</i>	3				x		x	x				x
x	<i>Quản trị dịch vụ</i>	2				x	x			x			x
x	<i>Logistics quốc tế</i>	2				x		x	x				x
x	<i>Khởi sự kinh doanh</i>	3						x		x	x		x
x	<i>Quản trị tồn kho</i>	2				x	x			x			x
<b>II.3 Tốt nghiệp</b>													
	<b>Tổng</b>		8M	13I+ 2R+ 2M	2I+ 5M	7I+ 4R +3M	1I+ 10R +4M	1I+ 9R+ 5M	6R+ 4M	4R+ 12M	4M	3R+ 5M	
	<b>Chuẩn đầu ra</b>		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	

#### 7.4. Cách thức đánh giá kết quả học tập

Theo quy chế đào tạo trình độ đại học hiện hành của Trường Đại học Nha Trang.

### VIII. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN VÀ TỔ CHỨC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mỗi năm học, Nhà trường tổ chức 3 học kỳ, bao gồm hai học kỳ chính và một học kỳ phụ (học kỳ hè).

Nhà trường công bố kế hoạch học tập của cả năm học trước khi năm học mới bắt đầu.

Căn cứ kế hoạch học tập theo từng năm học/học kỳ và kế hoạch đào tạo theo thời gian của chương trình đào tạo, Phòng Đào tạo Đại học và Cố vấn học tập tư vấn sinh viên đăng ký các học phần bắt buộc và lựa chọn các học phần tự chọn phù hợp.

### IX. HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ SINH VIÊN


Trong quá trình thực hiện khoá học, sinh viên được hỗ trợ nhiều hoạt động từ Khoa/Viện, Bộ môn và Trung tâm Quan hệ doanh nghiệp & Hỗ trợ sinh viên, cụ thể:

- Tham quan thực tế tại cơ sở sản xuất ngay sau khi nhập học;
- Ở ký túc xá nếu sinh viên có nhu cầu;
- Mượn và đọc tài liệu miễn phí; sử dụng wifi miễn phí trong toàn trường;
- Tham gia các hoạt động ngoại khóa, các hoạt động Đoàn thanh niên và Hội sinh viên tổ chức; các CLB chuyên môn, kỹ năng mềm;
- Được sử dụng các dịch vụ khác như nước uống, căn tin, y tế.

TRƯỞNG KHOA/VIỆN

  
 Hồ Ngọc Khu

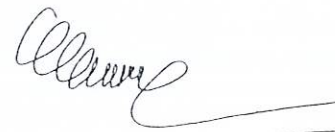
BAN CHỦ NHIỆM CTĐT

  
 Nguyễn Thị Trần Anh

HIỆU TRƯỞNG

  
 Trương Thị Trung

HD PHÁT TRIỂN CTĐT

  
 Quách Hữu Tâm